

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 200 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Đăng Vạn.
- Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2068/2025/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10140/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 16/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 193/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: C Đường H, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Phạm Tấn H, sinh năm 1978.

Nơi cư trú cuối cùng: 9/4 Đường B, Tổ F, Khu phố P, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà và ông Phạm Tấn H chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01/2005, ngày

18/7/2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống và do làm ăn thua lỗ nên đến năm 2012 thì ông H bỏ nhà đi. Bà đã cố hàn gắn nhưng không được và ông H cũng bỏ đi đâu không rõ từ năm 2012. Bà đã làm thủ tục tuyên bố ông H mất tích và được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định số 2223/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông H nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Như Ý, sinh ngày 05/9/2005 (đã trưởng thành) và Phạm Tấn Đ1, sinh ngày 05/01/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung Phạm Tấn Đ1 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Tấn H: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm.

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: có 02 con chung là Phạm Như Ý, sinh ngày 05/9/2005 (đã trưởng thành) và Phạm Tấn Đ1, sinh ngày 05/01/2009, giao người con chung Phạm Tấn Đ1 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà C yêu cầu ly hôn với ông H và ông H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông H.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01/2005, ngày 18/7/2005 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông H là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng cuộc sống gia đình ấm no hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống chung giữa bà C và ông H xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2012, ông H bỏ đi đâu không rõ và cũng không liên lạc với gia đình. Bà C đã làm thủ tục tuyên bố ông H mất tích và được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định số 2223/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Phạm Tấn H.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 242/2005, quyền số 02, ngày 28/9/2005 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang và Giấy khai sinh số 19, quyền số 01/2009 ngày 23/6/205/02/2009 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp và lời khai của bà C thì có đủ căn cứ xác định bà C và ông H có 02 người con chung tên Phạm Như Ý, sinh ngày 05/9/2005 (đã trưởng thành) và Phạm Tấn Đ1, sinh ngày 05/01/2009.

Xét bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Tấn Đ1. Đồng thời, người con chung Phạm Tấn Đ1 hiện đang ở với bà C và trẻ Đ1 cũng có nguyện vọng được ở với bà C. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao người con chung Phạm Tấn Đ1 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà C không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà C phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Phạm Tấn H.

Giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01/2005 ngày 18/7/2005 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận I (nay thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Kim C và ông Phạm Tấn H không còn giá trị pháp lý

2. Về con chung: Có 02 người con chung Phạm Như Ý, sinh ngày 05/9/2005 (đã trưởng thành) và Phạm Tấn Đ1, sinh ngày 05/01/2009. Giao người con chung tên Phạm Tấn Đ1 cho bà Nguyễn Thị Kim C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ông Phạm Tấn H không cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Kim C chịu, nhưng được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0043293 ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp đủ án phí.

5. Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Phạm Tấn H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tâm